

PHÁP LUẬT BẦU CỬ Ở VIỆT NAM - LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

ĐẶNG MINH TUẤN* -
NGUYỄN HẢI LONG**

Bầu cử đã được tổ chức ở Việt Nam ngay sau khi đất nước giành được độc lập, khởi đầu bằng cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên năm 1946 theo các sắc lệnh đầu tiên của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngay sau đó, những nguyên tắc nền tảng về bầu cử dân chủ được Hiến pháp năm 1946 ghi nhận và tiếp tục được kế thừa, phát triển trong những Hiến pháp sau này, như: Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi bổ sung năm 2001), Hiến pháp năm 2013 và Luật Bầu cử năm 2015. Tuy nhiên, pháp luật về bầu cử hiện nay vẫn còn có những hạn chế nhất định, rất cần được sửa đổi, bổ sung.

Từ khóa: Pháp luật; bầu cử; Quốc hội; Hội đồng nhân dân.

The first general election to the National Assembly in Vietnam was held in 1946 shortly after independence in accordance with the first decrees by President Ho Chi Minh. The fundamental principles of democratic elections were recognized in the 1946 Constitution and inherited, developed in the later Constitutions, including the 1959 Constitution, the 1992 Constitution (amended and supplemented in 2001), the 2013 Constitution, and in the 2015 Election Law. The current legislation on election have certain inadequacies which requires amendment and supplement.

Keywords: Legislation; election; National Assembly; People's Council.

NGÀY NHẬN: 28/02/2021

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 24/3/2021

NGÀY DUYỆT: 16/4/2021

Bầu cử được sử dụng phổ biến nhất để thành lập các cơ quan đại diện. Ở Việt Nam, đó là Quốc hội và Hội đồng nhân dân (HĐND) - những cơ quan do cử tri trực tiếp bầu ra. Bầu cử lần đầu tiên trong cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên năm 1946 dựa trên các sắc lệnh đầu tiên của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Từ đó đến nay, chế độ bầu cử Quốc hội và HĐND ngày càng được ghi nhận và hoàn thiện trong Hiến pháp và pháp luật, là cơ sở để tiến hành các

cuộc bầu cử dân chủ, tiến bộ để thiết lập các cơ quan đại diện ở nước ta. Tuy vậy, pháp luật bầu cử và thực tiễn thực thi pháp luật về bầu cử ở nước ta cũng còn những hạn chế, vấn đề đặt ra cần đổi mới và hoàn thiện.

1. Quá trình hình thành và phát triển của pháp luật bầu cử từ năm 1945 đến nay

Bầu cử đã được tổ chức ở Việt Nam ngay

* PGS.TS, Đại học Quốc gia Hà Nội

** TS, Văn phòng Quốc hội

sau khi đất nước giành được độc lập, khởi đầu bằng cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên năm 1946 theo các sắc lệnh đầu tiên của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngay sau đó, những nguyên tắc nền tảng về bầu cử dân chủ được *Hiến pháp* năm 1946 ghi nhận và tiếp tục được kế thừa, phát triển trong những *Hiến pháp* sau này. Ngoài *Hiến pháp*, hệ thống pháp luật về bầu cử của nước ta còn bao gồm nhiều văn bản khác, được thực hiện trong các giai đoạn sau:

- *Giai đoạn 1945 - 1959: cơ sở pháp lý đầu tiên để tiến hành Tổng tuyển cử là Sắc lệnh số 14/SL ngày 08/9/1945 do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành Quyết định tổ chức Tổng tuyển cử bầu Quốc dân Đại hội. Tiếp theo, trong các ngày 26/9/1945 và 17/10/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký tiếp Sắc lệnh số 39/SL thành lập Ủy ban Dự thảo thể lệ Tổng tuyển cử và Sắc lệnh số 51/SL quy định về thể lệ Tổng tuyển cử. Trong đó, nêu quyền bầu cử bình đẳng, phổ thông; quyền ứng cử là hoàn toàn tự do, dân chủ; các quyền này áp dụng cho mọi công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt gái trai, chỉ trừ những người đã bị mất quyền công dân và những người có trí óc không bình thường (Sắc lệnh số 51/SL). Đồng thời, quy định cụ thể về trình tự, thủ tục bầu cử và ứng cử, trong đó bao gồm các quy định về vận động bầu cử tự do, miễn là không trái với nền dân chủ cộng hòa... Bổ sung cho Sắc lệnh số 51/SL, ngày 02/12/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 71/SL quy định cho phép những người ứng cử gặp khó khăn về đi lại có thể gửi đơn ứng cử ngay cho Ủy ban nhân dân (UBND) nơi mình cư trú.*

Cuộc Tổng tuyển cử sẽ được tiến hành vào ngày 25/12/1945, tuy nhiên, để có thêm thời gian chuẩn bị và thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, thu hút lực lượng ủng hộ Tổng tuyển cử, tạo điều kiện cho người ứng cử, ngày 18/12/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 76/SL hoãn cuộc Tổng tuyển cử đến ngày 06/01/1946 và gia

hạn nộp đơn ứng cử đến hết ngày 27/12/1945. Cũng với mục đích tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, ngày 01/01/1946, Chính phủ lâm thời đã được mở rộng và có thêm nhiều đại diện của các đảng đối lập (Việt Nam Quốc dân Đảng, Việt Nam Cách mệnh Đồng minh Hội) và đổi tên thành Chính phủ Liên hiệp lâm thời, với nhiệm vụ thống nhất là tiến hành thắng lợi cuộc Tổng tuyển cử trong toàn quốc.

Ngày 06/01/1946, cuộc Tổng tuyển cử Quốc hội đã diễn ra trên cả nước. Tại 71 tỉnh, thành phố trong cả nước, 89% tổng số cử tri đã đi bầu cử, bầu được 333 đại biểu của cả ba miền Bắc, Trung, Nam, bao gồm đại diện của hầu hết các đảng chính trị, các tầng lớp, giai cấp trong xã hội lúc bấy giờ¹.

Sau khi Quốc hội khóa 1 được bầu, bản *Hiến pháp* đầu tiên đã được Quốc hội tiến hành soạn thảo và thông qua năm 1946, trong đó tuyên bố các quy định thực sự tiến bộ, dân chủ về bầu cử tại Điều 17 - 21. *Hiến pháp* cũng quy định Nhân dân có quyền bãi miễn các đại biểu mình đã bầu ra (Điều 20). Việc bầu cử tự do, dân chủ là tinh thần chi phối chế định bầu cử trong *Hiến pháp* năm 1946 - những quy định thể hiện rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp quyền và dân chủ.

- *Giai đoạn 1959 - 1980: Hiến pháp* năm 1959 quy định các nguyên tắc bầu cử phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu (Điều 5). Trên cơ sở đó, *Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội* (ĐBQH) và *Pháp lệnh Bầu cử đại biểu HĐND* lần lượt được ban hành vào các năm 1959 và 1961. Đặc điểm chế định bầu cử thời kỳ này là luật hóa toàn diện, ổn định hơn, lược bỏ nguyên tắc bầu cử tự do, bổ sung nguyên tắc bầu cử bình đẳng.

- *Giai đoạn 1980 - 1992: Điều 7 Hiến pháp* năm 1980 quy định các nguyên tắc bầu cử phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Quốc hội ban hành *Luật Bầu cử ĐBQH* năm 1980 và *Luật Bầu cử đại biểu HĐND* năm 1983 (sửa đổi năm 1989). Trong giai

đoạn này, pháp luật bầu cử lần đầu quy định về hiệp thương - một quy trình đặc thù của hệ thống bầu cử được ghi nhận và phát triển cho đến ngày nay.

- *Giai đoạn 1992 - 2013: Hiến pháp năm 1992 tiếp tục quy định các nguyên tắc bầu cử phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Luật Bầu cử ĐBQH được ban hành năm 1992 và Luật Bầu cử ĐBQH được ban hành năm 1994 để phù hợp với Hiến pháp mới. Các luật này cũng được sửa đổi, bổ sung một vài lần sau đó. Pháp luật cũng như thực tiễn bầu cử trong thời kỳ này tăng cường sự lãnh đạo của Đảng.*

- *Giai đoạn 2013 đến nay: Hiến pháp năm 2013 tiếp tục duy trì các quy định của Hiến pháp năm 1992 về bầu cử với một số sửa đổi, bổ sung quan trọng, trong đó bao gồm quy định về thành lập Hội đồng bầu cử Quốc gia và quy định chi tiết có sửa đổi về bãi nhiệm đại biểu. Trên cơ sở của Hiến pháp mới, năm 2015, Luật Bầu cử ĐBQH và đại biểu HĐND được ban hành hợp nhất bầu cử ĐBQH và BCĐB HĐND (sau đây viết tắt là Luật Bầu cử năm 2015). Luật Bầu cử năm 2015 có một số quy định mới so với các luật về bầu cử trước đó, bao gồm: quy định về Hội đồng bầu cử Quốc gia; những hành vi bị cấm khi vận động bầu cử; hội nghị tiếp xúc cử tri; vận động bầu cử qua phương tiện thông tin đại chúng; quy định tự mình gặp gỡ, tiếp xúc cử tri...; đồng thời, bổ sung, sửa đổi cụ thể hơn, như quy định nguyên tắc lập danh sách cử tri; bổ sung hồ sơ ứng cử, hình thức vận động cử tri và thời gian bỏ phiếu...*

Xét một cách tổng quan, chế định bầu cử dựa trên các nguyên tắc bầu cử dân chủ, tiến bộ được kế thừa và phát triển thông qua các bản Hiến pháp và các luật về bầu cử từ năm 1945 đến nay. Một số nguyên tắc hiến định có tính kế thừa, xuyên suốt lịch sử pháp luật về bầu cử bao gồm: nguyên tắc bầu cử phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín; quyền bầu cử, quyền ứng cử của công dân;

mối liên hệ, trách nhiệm của Quốc hội, HĐND, ĐBQH và đại biểu HĐND với cử tri. Một số nguyên tắc gắn liền với chế độ bầu cử ở nước ta được ghi nhận như hiệp thương trong bầu cử với vai trò của Mặt trận Tổ quốc (MTTQ), sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với bầu cử...².

2. Những hạn chế, bất cập của pháp luật bầu cử hiện hành ở nước ta thời gian qua

Luật Bầu cử năm 2015 là luật về bầu cử hiện hành, được áp dụng cho cuộc bầu cử ĐBQH khóa XIV và đại biểu HĐND các cấp năm 2016, đến nay là cuộc bầu cử ĐBQH khóa XV và đại biểu HĐND các cấp năm 2021.

Kết thúc cuộc bầu cử năm 2016, các cơ quan ở trung ương đã tiến hành tổng kết cuộc bầu cử: Hội đồng bầu cử Quốc gia có Báo cáo số 695/BC-HĐBCQG ngày 19/7/2016, Chính phủ có Báo cáo số 207/BC-CP ngày 16/7/2016. Theo các báo cáo tổng kết, pháp luật và thực tiễn về bầu cử còn có một số tồn tại, hạn chế cơ bản sau đây:

Một là, về giải quyết khiếu nại, tố cáo người ứng cử.

Luật Bầu cử năm 2015 chưa phân định rõ thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan người ứng cử ĐBQH (trong trường hợp nào thì do Hội đồng bầu cử Quốc gia giải quyết, trường hợp nào do Ủy ban bầu cử giải quyết) và đối với khiếu nại, tố cáo liên quan đến người ứng cử đại biểu HĐND là cán bộ thuộc diện cấp trên quản lý (như trường hợp chủ tịch UBND cấp xã bị tố cáo, nếu Ban bầu cử cấp xã giải quyết dễ dẫn đến tình trạng thiếu khách quan, mặt khác, còn vướng quy định của Luật Tố cáo là trong trường hợp này do Chủ tịch UBND cấp huyện giải quyết)³.

Hai là, quy định về tỷ lệ tối thiểu người trong danh sách ứng cử là người dân tộc thiểu số (DTTS) và phụ nữ.

Trước đây, luật về bầu cử quy định số ĐBQH là người DTTS và số ĐBQH nữ do Ủy

ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) dự kiến. Trên cơ sở dự kiến này, UBTVQH mới phân bổ số lượng người ứng cử là người DTTS và phụ nữ cho phù hợp để phấn đấu đạt tỷ lệ dự kiến. Như vậy, việc không đạt tỷ lệ dự kiến không vi phạm quy định pháp luật.

Luật Bầu cử năm 2015 quy định rõ: UBTVQH dự kiến nhưng phải bảo đảm tối thiểu 18% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử ĐBQH là người DTTS; tối thiểu 35% người trong danh sách chính thức những người ứng cử ĐBQH là phụ nữ. Thường trực HĐND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã dự kiến nhưng bảo đảm tối thiểu 35% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu HĐND là phụ nữ.

Theo quy trình bầu cử, 70 ngày trước ngày bầu cử là thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ ứng cử, trước đó, người do cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân bổ giới thiệu đã giới thiệu xong người ứng cử và làm quy trình lấy ý kiến cử tri nơi công tác. Do vậy, trước 70 ngày, người do cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu đã xác định được tỷ lệ phụ nữ, DTTS. Đến trước khi hết hạn nộp hồ sơ, khi đó nhiều người tự ứng cử ĐBQH, đại biểu HĐND nộp hồ sơ sẽ làm thay đổi tỷ lệ người ứng cử là phụ nữ, DTTS, trường hợp không bảo đảm số tối thiểu do *Luật* quy định thì có vi phạm quy định của *Luật Bầu cử* không và xử lý thế nào?

Ba là, quyền bỏ phiếu của công dân Việt Nam ở nước ngoài.

Tại Điều 29 *Luật Bầu cử* năm 2015 quy định: mọi công dân có quyền bầu cử đều được ghi tên vào danh sách cử tri và được phát thẻ cử tri. Đối với công dân Việt Nam ở nước ngoài trở về Việt Nam trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ thì được quyền bỏ phiếu, tuy nhiên, với công dân Việt Nam ở nước ngoài

chưa có quy định nên thực tế hiện nay những người này không được bỏ phiếu. Trong nhiều kỳ bầu cử gần đây, vấn đề bỏ phiếu bầu cử của công dân Việt Nam ở nước ngoài đều được đặt ra nhưng chưa có giải pháp, còn khó khăn trong lập danh sách cử tri, bỏ phiếu ở đơn vị bầu cử (đối với bầu cử ĐBQH khóa XV, cả nước có 184 đơn vị bầu cử, việc xác định công dân Việt Nam ở nước ngoài sẽ bầu cho người ứng cử ĐBQH ở đơn vị bầu cử nào, theo nguyên tắc nào)...⁴.

Bốn là, về UBTVQH điều chỉnh lần hai trong quy trình hiệp thương giới thiệu người ứng cử ĐBQH.

Quy trình hiệp thương giới thiệu người ứng cử ĐBQH và đại biểu HĐND có sự khác biệt:

(1) UBTVQH dự kiến - MTTQ hiệp thương lần 1 - UBTVQH điều chỉnh lần 1 - MTTQ hiệp thương lần 2 lập danh sách sơ bộ - UBTVQH điều chỉnh lần 2 - MTTQ hiệp thương lần 3 lập danh sách chính thức.

(2) Thường trực HĐND dự kiến - MTTQ hiệp thương lần 1 - Thường trực HĐND điều chỉnh - MTTQ hiệp thương lần 2 lập danh sách sơ bộ - MTTQ hiệp thương lần 3 lập danh sách chính thức.

So sánh hai quy trình này cho thấy, quy trình bầu cử ĐBQH có bước UBTVQH điều chỉnh lần 2, trong khi đó, bầu cử đại biểu HĐND, Thường trực HĐND không có bước điều chỉnh này. Qua thực tiễn cuộc bầu cử cho thấy, việc điều chỉnh lần 2 của UBTVQH không nhiều, thời điểm sau khi hết hạn nộp hồ sơ ứng cử, do vậy, việc điều chỉnh ít mang ý nghĩa.

Năm là, về quyền vận động bầu cử.

Trước năm 1992, việc vận động bầu cử quy định mở hơn, đến năm 1992, *Luật Bầu cử* quy định vận động bầu cử phải do MTTQ tiến hành. Đến năm 1997, với sự phát triển của báo chí - truyền thông, hình thức vận động bầu cử đã được bổ sung thêm là qua

phương tiện báo chí, trang web (*Luật Bầu cử năm 2015*). Việc vận động bầu cử của người ứng cử được tiến hành bằng hai hình thức: (1) Gặp gỡ, tiếp xúc với cử tri tại hội nghị tiếp xúc cử tri ở địa phương nơi mình ứng cử. Hội nghị do Ban thường trực Ủy ban MTTQ cấp tỉnh chủ trì phối hợp với UBND ở đơn vị bầu cử tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho những người ứng cử ĐBQH, ứng cử đại biểu HĐND cấp tỉnh. (2) Thông qua phương tiện thông tin đại chúng, người ứng cử ĐBQH trình bày với cử tri về dự kiến chương trình hành động của mình trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương và trên trang thông tin điện tử về bầu cử ĐBQH của Hội đồng bầu cử Quốc gia.

Với hai hình thức vận động bầu cử này, người ứng cử còn tiếp cận chưa nhiều tới cử tri, đặc biệt là tiếp cận trực tiếp. Việc tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri ở các địa phương khác nhau, có địa phương tổ chức nhiều, có nơi tổ chức ít cuộc tiếp xúc. Vận động qua phương tiện thông tin đại chúng không phải nơi nào người dân cũng dễ tiếp cận, nhất là đồng bào vùng DTTS.

Ngoài các hạn chế, bất cập đã nêu, một số vấn đề khác cũng cần được nghiên cứu đổi mới, như: nâng cao tính dân chủ, thực chất trong bầu cử; bảo đảm và mở rộng quyền ứng cử, vận động ứng cử; bảo đảm dân chủ, công khai và minh bạch, hiểu và vận dụng đúng quy trình hiệp thương trong bầu cử, lấy ý kiến cử tri nơi công tác và nơi cư trú; bảo đảm nguyên tắc bầu cử bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín; bảo đảm sự độc lập, khách quan của các cơ quan, tổ chức phụ trách bầu cử; bảo đảm kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các sai phạm trong bầu cử⁵.

3. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về bầu cử

Việc hoàn thiện pháp luật về bầu cử ĐBQH và đại biểu HĐND các cấp cần thực hiện theo những nội dung cơ bản sau đây:

Thứ nhất, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng.

Hiến pháp quy định: “Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của Nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, Nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội”. Việc sửa đổi *Luật Bầu cử* cần hướng tới bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong quy trình lựa chọn, giới thiệu người ứng cử, nhằm giới thiệu được những người ứng cử có uy tín, năng lực, trình độ tham gia Quốc hội trong đặc thù của Việt Nam là một Đảng duy nhất lãnh đạo. Cần đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với bầu cử theo hướng ngày càng dân chủ hơn nữa⁶.

Thứ hai, nâng cao tính dân chủ, thực chất, công khai, minh bạch trong bầu cử, bảo đảm và mở rộng quyền ứng cử.

Bầu cử là phương thức để Nhân dân thực thi quyền làm chủ, là hình thức ủy quyền và biểu thị sự tin nhiệm của các công dân thông qua lá phiếu để lựa chọn người đại diện của mình vào Quốc hội và HĐND. Bầu cử phải thực sự dân chủ, phản ánh thực chất ý chí, nguyện vọng của Nhân dân, quyền ứng cử phải được bảo đảm, đồng thời cuộc bầu cử phải diễn ra một cách công khai, minh bạch. Có như vậy, Quốc hội và HĐND các cấp mới thực chất trở thành các cơ quan đại biểu của người dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất - Quốc hội và ở địa phương - HĐND các cấp. Do đó, cần quy định để người ứng cử có đủ thời gian và khả năng tiếp cận được nhiều cử tri để vận động, trình bày chương trình hành động. *Luật Bầu cử* cần mở rộng thời gian đủ để người ứng cử có thể tiến hành đầy đủ các hoạt động vận động bầu cử. Bên cạnh vận động bầu cử qua đảng chương trình hành động trên trang web bầu cử ở địa phương thì cần mở ra các hình thức vận động bầu cử chủ động hơn, ví dụ như lập

trang web riêng, trang facebook và các mạng xã hội để tương tác với cử tri. Trong một xã hội đang vận động không ngừng, đặc biệt là khi khoa học - kỹ thuật làm thay đổi tương tác giữa con người, quy định về vận động bầu cử cũng cần có đổi mới để bắt kịp thời đại.

Thứ ba, cần đổi mới giữa cơ cấu và chất lượng đại biểu, đồng thời tăng cường đại biểu chuyên trách.

Cần dự kiến cơ cấu đại biểu không chỉ ở Quốc hội mà được thực hiện ở HĐND các cấp. ĐBQH chỉ có một tỷ lệ nhất định hoạt động chuyên trách, tăng dần qua các nhiệm kỳ, từ 25 - 35% và hiện nay là 40%. Như vậy, khi số lượng đại biểu chuyên trách càng tăng thì số lượng đại biểu cơ cấu càng giảm. Trong thực tiễn, vì phải gánh nhiều cơ cấu nên khó khăn trong việc lựa chọn người ứng cử ĐBQH, đại biểu HĐND là người tiêu biểu nhất. Vì thế, cần phải tiếp tục tăng số lượng đại biểu chuyên trách hướng tới một Quốc hội chuyên trách, chuyên nghiệp trong tương lai.

Thứ tư, đổi mới quy trình để lựa chọn người thật sự tiêu biểu, có năng lực, trình độ.

Trong các quy trình lựa chọn, hiệp thương trong bầu cử được coi như là một bộ lọc để lựa chọn các ứng cử viên. Theo quy định hiện hành, hiệp thương để loại các ứng cử viên cùng với việc thiếu các tiêu chí rõ ràng, cụ thể và trong một quy trình tương đối khép kín gây ra tâm lý, dự luận không thuận lợi. Vì vậy, cần nghiên cứu để chuẩn hóa, bảo đảm sự chặt chẽ, công khai và minh bạch trong quy trình hiệp thương là một yêu cầu cấp thiết. Đối với những người tự ứng cử, thay vì chú trọng đến quy trình hiệp thương để lọc những ứng cử viên này, cần nghiên cứu thay thế hay bổ sung các hình thức lọc khác, như yêu cầu phải lấy được ý kiến đồng ý của một lượng cử tri (hoặc hộ dân) nhất định để được chấp nhận đưa vào danh sách ứng cử viên.

Thứ năm, áp dụng tiến bộ của khoa học - kỹ thuật giúp bảo đảm quyền bầu cử.

Hiện nay, khoa học - kỹ thuật đã có bước đột phá lớn, nhiều hoạt động được thực hiện thông qua nền tảng điện thoại, internet bảo đảm an toàn, bảo mật. Tuy nhiên, sau rất nhiều năm, quá trình bầu cử chưa có nhiều đổi mới, chưa áp dụng nhiều khoa học - kỹ thuật để rút ngắn thời gian, giảm công đoạn và bảo đảm tốt nhất quyền bầu cử của công dân, bảo đảm quyền người ứng cử tiếp cận được với cử tri. Ví dụ như chưa có giải pháp trong việc bầu cử của công dân Việt Nam ở nước ngoài (đi du lịch, đi công tác ngắn hạn...). Do đó, cần chú trọng áp dụng khoa học - kỹ thuật và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bầu cử ĐBQH và đại biểu HĐND □

Chú thích:

1. Sau đó, để tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tại kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa I, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ đề nghị Quốc hội chấp thuận cho 70 đại biểu thuộc các đảng Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mạng đồng minh Hội tham gia Quốc hội mà không cần thông qua bầu cử.

2, 6. Đặng Minh Tuấn, Đặng Đình Tân. *Thế chế Đảng cầm quyền - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn* (sách tham khảo, tái bản có sửa chữa, bổ sung). H. NXB Chính trị quốc gia, 2012, tr. 299 - 318, 405 - 409.

3. Báo cáo số 207/BC-CP của Chính phủ ngày 17/6/2016 tổng kết công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021.

4. Phan Văn Ngọc. *Đổi mới chế độ bầu cử đại biểu Quốc hội ở nước ta hiện nay*. Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, 2018, tr. 88.

5. Viện Nghiên cứu lập pháp. *Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ "Pháp luật về bầu cử ở Việt Nam - Thực trạng và giải pháp hoàn thiện"*. Hà Nội, 2020.